

Thứ tư, ngày 26 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tâm lý tiêu cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/2/2020	•		
Tuần 24/2-28/2/2020	•		
Tháng 2/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên, thị trường mở cửa trong sắc đỏ do lo ngại về diễn biến của dịch bệnh Sars-Cov-2 và sự lao dốc của thị trường chứng khoán Mỹ. Hầu hết nhóm cổ phiếu VN30 và nhóm trụ cột ngân hàng bao gồm các mã TPB, HDB, VPB, VCB đều giảm điểm trong phiên sáng. Xu hướng này kéo dài và gia tăng bất chấp sự hồi phục nhẹ của FPT, POW và TCB trong phiên chiều do sự nhịp điều chỉnh tăng thêm ở một loạt các cổ phiếu trụ cột như GAS, VNM, VHM, VCB. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm mạnh trong khi độ rộng thị trường duy trì ở mức rộng cho thấy tâm lý giao dịch tiêu cực vẫn đang chủ đạo diễn biến thị trường. Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng khi các thông tin vĩ mô vẫn chịu hiệu ứng tiêu cực từ dịch Sars-Cov-2. BSC khuyến nghị các nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng và tập trung vào các mã cổ phiếu cơ bản tốt thuộc nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh theo báo cáo Dịch SARS-Cov-2 của BSC.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/2/2019, các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao_ 0.2%. 17/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao** - Thanh khoản tốt - với tính chất phòng thủ cao khi thị trường biến động tiêu cực - trong ngày hôm nay có mức tăng **0.2%**, trong khi VNINDEX **giảm 1.5%**

Phân tích kỹ thuật: GVR_ Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-13.70 điểm**, đóng cửa 895.97. HNX-Index **-0.05 điểm**, đóng cửa 106.61.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+0.19); POW (+0.17); TCB (+0.15); PGD (+0.03); YEG (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.14); BID (-2.10); GAS (-1.72); VNM (-1.52); VCB (-1.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,603 tỷ đồng**, **-12.9%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 15.42 điểm, tương đương so với phiên trước. Thị trường có 109 mã tăng, 57 mã tham chiếu và 247 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **232.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (69.9 tỷ), VCB (37.4 tỷ) và HPG (19.1 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **7.07 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

895.97

Giá trị: 2603.31 tỷ

-13.7 (-1.51%)

Khối ngoại (ròng): -232.76 tỷ

HNX-INDEX

106.61

Giá trị: 518.85 tỷ

-0.05 (-0.05%)

Khối ngoại (ròng): -7.07 tỷ

UPCOM-INDEX

55.34

Giá trị: 0.22 tỷ

-0.19 (-0.34%)

Khối ngoại (ròng): -8.57 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	49.2	-1.32%
Giá vàng	1,653	1.12%
Tỷ giá USD/VND	23,244	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,216	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,088	-0.12%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	1.79%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-6.10%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	34.1	VNM	69.9
SBT	6.2	VCB	37.4
SAB	3.8	HPG	19.2
HDB	2.0	VHM	19.1
PPC	1.6	MSN	14.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

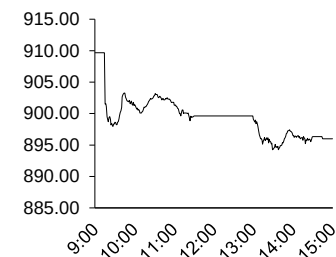
[Link](#)
[Link](#)

* **17/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - với tính chất phòng thủ cao khi thị trường biến động tiêu cực - trong ngày hôm nay có mức **tăng 0.2%**, trong khi VNINDEX **giảm 1.5%**

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

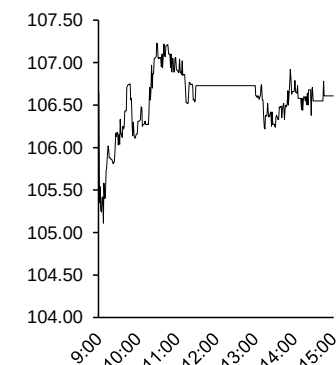
BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

26/2/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	-2.7%	-1.9%	-3.3%	-5.9%	1.6%	34.8%	14.6%
VN Diamond	-0.2%	-2.9%	-3.5%	-0.4%	1.7%	9.4%	54.3%	17.2%
Chiến tranh thương mại	-0.3%	-3.9%	-6.9%	-12.9%	-18.4%	-9.2%	-3.4%	15.7%
Ngành Dược	-0.3%	-0.9%	6.6%	0.2%	6.3%	8.2%	40.0%	17.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	-3.2%	-5.4%	-3.7%	-1.4%	6.7%	55.1%	17.4%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-4.3%	-7.7%	-13.2%	-13.7%	-10.3%	31.4%	14.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.4%	-2.7%	-4.9%	2.1%	3.7%	20.5%	89.0%	19.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.7%	-3.5%	-2.2%	5.5%	10.2%	6.9%	40.9%	19.5%
VN FinSelect	-0.7%	-3.3%	-2.4%	3.9%	7.5%	3.6%	34.4%	18.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.7%	-2.5%	-7.0%	-5.0%	-4.9%	-1.1%	47.7%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.9%	-2.5%	-7.4%	-7.0%	-7.5%	-6.4%	39.0%	14.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	-4.8%	-10.7%	-15.1%	-19.0%	-23.0%	22.5%	21.4%
Hàng tiêu dùng	-1.0%	-1.9%	-6.4%	-12.2%	-14.1%	-10.6%	38.6%	17.6%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.1%	-3.5%	-7.9%	-12.9%	-12.2%	-9.2%	33.2%	16.3%
Xây dựng	-1.2%	-6.4%	-6.8%	-14.1%	-19.8%	-24.1%	-10.6%	18.3%
Vật liệu Xây dựng	-1.2%	-1.9%	-6.2%	-7.0%	-7.6%	-2.0%	-5.2%	18.7%
Ngân hàng	-1.3%	-4.8%	-3.3%	5.9%	12.7%	16.2%	79.2%	21.8%
Lãi suất giảm	-1.6%	-4.1%	-3.8%	-5.1%	-9.3%	-7.1%	35.7%	17.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.7%	-2.7%	-10.1%	-11.9%	-12.0%	-13.5%	57.6%	13.9%
Dầu khí	-1.7%	-5.9%	-14.1%	-21.8%	-23.5%	-18.7%	-7.0%	22.8%
FTSE Việt Nam	-1.8%	-2.1%	-10.1%	-10.5%	-11.0%	-12.8%	64.4%	15.0%

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 8	-0.2%	-3.3%	-8.1%	-5.1%	-2.5%	14.3%	80.3%	18.6%
Danh mục 4	-0.3%	-2.9%	-7.4%	-8.4%	-6.3%	6.6%	41.6%	16.2%
Danh mục 12	-0.4%	-3.6%	-7.8%	-6.2%	-5.7%	7.0%	52.4%	17.0%
Danh mục 15	-1.4%	-3.1%	-12.0%	-12.2%	-14.7%	-11.4%	33.4%	18.1%
Danh mục 11	-1.4%	-3.2%	-6.0%	-1.6%	-1.1%	5.5%	44.1%	18.9%
* Note	10/10/2024 - Mục tiêu đạt được 100% (10/10) - Chỉ số điểm: 100/100 - INDEX							

* Note
18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro		Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	-0.1%	-2.5%	-6.1%	-6.5%	-4.7%	5.0%	66.4%	16.9%
Danh mục 22	-0.2%	-3.4%	-7.3%	-2.8%	-2.6%	16.2%	58.5%	16.9%
Danh mục 25	-0.4%	-2.1%	-7.1%	-4.8%	-7.0%	10.4%	84.9%	16.9%
Danh mục 23	-0.9%	-4.2%	-8.5%	-7.4%	-6.3%	-2.9%	37.7%	16.9%
Danh mục 24	-1.2%	-3.6%	-7.6%	-1.7%	-1.5%	6.9%	49.8%	19.3%

* Note
7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-1.5%	-3.5%	-9.2%	-9.3%	-9.7%	-9.4%	25.9%	15.4%
VN30INDEX	-0.9%	-2.6%	-7.2%	-6.3%	-6.5%	-9.4%	25.8%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

GVR_ Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ trung tính, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GVR đang nằm trong nhịp tích lũy trung hạn tại vùng giá 10-12. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình giao dịch 20 phiên trong 3 phiên giao dịch gần nhất, cho thấy động lực tăng khá mạnh. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 11-12 và chốt lãi trung hạn tại vùng giá 14-15, cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ trung hạn ở mức giá 10.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 26/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 26/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	50.27	0.76%	-6.00%	-7.23%	-12.75%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	55.28	0.60%	-6.50%	-5.63%	-14.99%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	153.10	-0.09%	-7.95%	0.33%	-3.27%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1642.90	0.46%	1.93%	3.85%	27.03%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.13	0.71%	-1.65%	0.16%	18.41%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	886.75	-0.17%	-2.07%	-3.17%	-8.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	534.25	-0.51%	-5.02%	-6.68%	3.04%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.53	-0.54%	-2.82%	-9.03%	4.95%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	183.10	-0.97%	n/a	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.74	0.07%	-0.87%	1.87%	2.57%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	108.50	1.50%	-0.32%	-5.49%	-5.86%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5685.00	-0.07%	-1.52%	-4.07%	-12.44%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3476.00	0.46%	2.60%	-5.17%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1703.00	0.24%	-0.99%	-4.38%	-10.88%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	664.00	-0.15%	3.75%	-2.57%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.20	-0.08%	-3.15%	-3.15%	-27.93%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent dầu thô Brent giảm 1.35 USD tương đương 2.4% xuống 54.95 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.53 USD tương đương 3% xuống 49.90 USD/thùng.
- Giá dầu giảm 3% - phiên giảm thứ 3 liên tiếp do lo ngại về virus corona lây lan mạnh sau khi chính phủ Mỹ cảnh báo người Mỹ chuẩn bị cho căn bệnh này. Đồng thời, thị trường chứng khoán toàn cầu giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu tháng 12/2019 và tỉ lệ nợ của Mỹ chạm mức thấp kỷ lục do lo ngại về tác động kinh tế của virus corona lây lan.

Giá vàng

- Vàng giao ngay Vàng giao ngay giảm 1% xuống 1,644.4 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 1.6% xuống 1,650 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% từ mức cao nhất 7 năm trong phiên trước đó do hoạt động bán ra chốt lời, ngay cả khi lo ngại về tác động kinh tế toàn cầu của virus corona. Trung Quốc đại lục có 508 trường hợp nhiễm bệnh mới, tăng so với 409 trong ngày 23/2/2020, nâng tổng số trường hợp bị nhiễm bệnh lên 77,658. Sự lây lan nhanh chóng của virus corona ngoài Trung Quốc đã làm gia tăng lo ngại về tác động đối với nền kinh tế toàn cầu, khiến một số người đặt cược Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sẽ cắt giảm lãi suất.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn giao dịch Đại Liên giảm 0.5% xuống 672.5 CNY (95.72 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.2%, giá thép cuộn cán nóng không thay đổi.
- Giá quặng sắt tại Trung Quốc rời khỏi chuỗi tăng 10 phiên liên tiếp do lo ngại virus corona lây lan mạnh, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh và ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu.

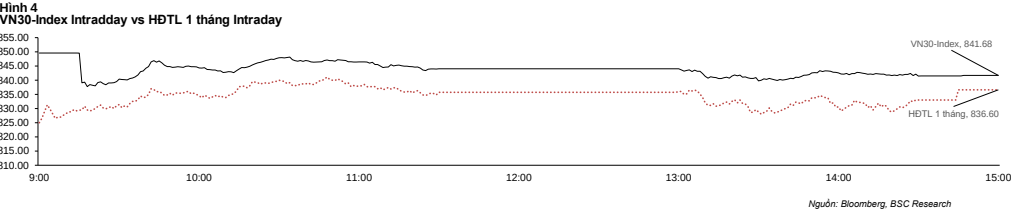
Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3 tăng 0,17 US cent tương đương 1.1% lên 15.43 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn London tăng 1.7 USD tương đương 0.4% lên 416.5 USD/tấn. Giá đường tăng do lo ngại về nguồn cung suy giảm, song mức tăng bị hạn chế bởi lo ngại về virus corona lây lan mạnh.
- Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 1.2 US cent tương đương 1.1% xuống 1.058 USD/lb. Cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn tăng 9 USD tương đương 0.7% lên 1,282 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM tăng 3.7 JPY tương đương 2% lên 184.9 JPY (1.66 USD)/kg. Giá cao su tại Tokyo tăng do các nhà đầu tư mua vào kiếm lời sau khi giảm xuống mức thấp nhất gần 3 tuần trong đầu phiên giao dịch. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 95 CNY lên 11,545 CNY (1,643 USD)/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	836.60	-0.52%	-5.08	10.5%	179965	3/19/2020	24
VN30F2004	834.90	-0.76%	-6.78	49.1%	425	4/16/2020	52
VN30F2006	844.90	-0.37%	3.22	-8.0%	104	6/18/2020	115
VN30F2009	832.10	-0.75%	-9.58	141.5%	99	9/17/2020	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -7.90 điểm xuống mức 841.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VHM, HPG, VJC, và VIC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 biến động mạnh trong phiên sáng, giằng co quanh 838-848 điểm. Sang phiên chiều, VN30 vận động tích lũy quanh 842 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 835-845 trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2004, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1905	SSI	4/22/2020	56	1.1	64,730	-5.6%	1.0 triệu	23.41%	9,900	3,570	19.40%	2,210.00	1.62
CFPT1908	MBS	6/17/2020	112	3.1	219,770	-17.0%	2.4 triệu	23.41%	3,150	2,130	12.11%	1,259.20	1.69
CFPT2001	HSC	6/22/2020	117	5.1	82,600	676.3%	5.0 triệu	23.41%	1,600	1,110	6.73%	566.80	1.96
CSTB2001	KIS	6/19/2020	114	1.1	158,460	-23.0%	5.0 triệu	22.50%	1,500	1,600	4.58%	752.70	2.13
CVPB1901	VND	3/5/2020	8	1.1	336,430	62.7%	2.0 triệu	26.89%	3,500	10,210	4.08%	10,318.70	0.99
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	58	5.1	559,610	39.9%	2.0 triệu	21.90%	2,200	1,310	3.15%	590.40	2.22
CTCB1902	VND	6/5/2020	100	1.1	31,660	-68.7%	2.0 triệu	24.44%	5,300	2,880	1.77%	2,094.00	1.38
CMWG2002	MBS	4/24/2020	58	10.1	229,410	-6.1%	2.0 triệu	23.85%	1,950	1,230	0.82%	529.80	2.32
CVRE2001	KIS	9/21/2020	208	4.1	177,640	68.7%	8.0 triệu	25.91%	1,500	760	-1.30%	112.60	6.75
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	42	2.1	42,350	215.6%	2.0 triệu	26.89%	1,000	4,000	-2.44%	4,055.40	0.99
CVPB2001	HSC	6/22/2020	117	2.1	108,540	84.8%	5.0 triệu	26.89%	1,500	4,570	-4.79%	4,306.30	1.06
CVRE1903	KIS	5/15/2020	79	2.1	153,300	666.5%	4.0 triệu	25.91%	2,700	480	-5.88%	99.30	4.83
CHDB2002	MBS	4/10/2020	44	2.1	299,840	31.3%	1.5 triệu	24.01%	1,950	1,550	-6.06%	1,051.60	1.47
CHPG2003	MBS	5/4/2020	68	3.1	292,050	7.0%	6.0 triệu	26.43%	1,570	800	-6.98%	3.10	258.06
CHPG1907	SSI	4/22/2020	56	1.1	58,920	-17.3%	1.0 triệu	26.43%	4,200	2,950	-7.52%	2,153.10	1.37
CHPG2001	HSC	6/30/2020	125	2.1	63,290	6.9%	5.0 triệu	26.43%	1,800	1,170	-8.59%	519.30	2.25
CROS2001	KIS	6/19/2020	114	4.1	842,070	-66.7%	10.0 triệu	48.11%	1,500	100	-9.09%	-	2.47
CMBB2001	HSC	6/22/2020	117	2.1	184,200	-44.0%	5.0 triệu	21.76%	1,600	1,140	-10.24%	461.30	2.47
CVNM1903	SSI	4/22/2020	56	1.1	20,420	47.7%	1.0 triệu	20.31%	26,600	3,720	-19.83%	213.10	17.46
CVHM1902	SSI	4/22/2020	56	1.1	21,900	23.9%	1.0 triệu	22.17%	18,600	4,400	-22.54%	1,451.10	3.03
Tổng:					3,947,190		70.90 triệu	25.55%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 26/2/2019, các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CVHM1902 và CVNM1903 giảm mạnh lần lượt là -22.54%, và -19.83%. Trái lại, CFPT1905 và CFPT1908 tăng mạnh lần lượt là 19.40% và 12.11%. Thanh khoản thị trường giảm -24.81%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.65% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	55.00	1.85	0.74
TCB	22.35	0.68	0.47
POW	10.20	2.51	0.16
STB	11.20	0.45	0.12
EIB	17.25	0.29	0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	105.0	-2.78	-2.26
VHM	80.9	-2.65	-1.12
HPG	22.8	-1.52	-0.79
VJC	125.0	-1.57	-0.71
VIC	105.9	-1.03	-0.69

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1905	64,900	55,000	55,000
CFPT1908	63,450	54,000	55,000
CFPT2001	64,000	56,000	55,000
CSTB2001	12,499	10,999	11,200
CVPB1901	21,500	18,000	28,300
CPNJ2001	94,500	83,500	83,000
CTCB1902	26,300	21,000	22,350
CMWG2002	129,500	110,000	106,200
CVRE2001	42,789	36,789	29,000
CVPB2002	22,300	20,300	28,300
CVPB2001	23,000	20,000	28,300
CVRE1903	41,189	35,789	29,000
CHDB2002	29,900	26,000	27,700
CHPG2003	26,810	22,100	22,750
CHPG1907	25,200	21,000	22,750
CHPG2001	27,600	24,000	22,750
CROS2001	32,468	26,468	7,500
CMBB2001	24,200	21,000	20,500
CVNM1903	145,580	118,980	105,000
CVHM1902	103,600	85,000	80,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.2	-0.7%	0.8	2,093	5.0	8,655	12.3	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	83.0	0.0%	1.2	813	2.2	5,327	15.6	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	55.5	-2.5%	1.3	1,791	0.6	1,632	34.0	2.2	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	0.0%	0.7	314	0.0	2,859	10.9	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	105.9	-1.0%	0.9	15,574	2.9	2,268	46.7	4.7	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	29.0	-0.7%	1.1	2,865	1.3	1,253	23.1	2.4	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.8	0.2%	0.8	2,268	0.9	3,563	15.1	2.3	6.5%	16.3%
REE	Bất động sản	34.1	-0.4%	1.1	460	0.9	5,286	6.5	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.0	-0.8%	1.6	273	0.7	2,849	4.2	0.9	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.1	-1.8%	1.4	363	0.7	1,787	9.0	0.9	53.9%	9.9%
VCI	Chứng khoán	26.5	-3.6%	1.0	189	0.0	4,218	6.3	1.1	35.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.1	-2.8%	1.9	227	0.7	1,421	12.0	1.2	55.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	55.0	1.9%	0.9	1,622	7.6	4,225	13.0	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	47.7	1.5%	0.4	516	0.1	4,156	11.5	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	79.9	-3.7%	1.5	6,649	1.7	6,096	13.1	3.2	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.1	-1.4%	1.5	2,594	0.6	3,495	14.3	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.4	-1.9%	1.4	320	0.8	1,529	10.1	0.6	20.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.4	0.0%	0.8	998	0.5	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	97.1	-0.9%	0.5	552	0.1	4,668	20.8	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.0	0.4%	0.6	203	0.1	774	15.4	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.1	0.0%	0.6	140	0.1	600	10.2	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	85.0	-1.4%	1.2	13,707	4.3	5,004	17.0	3.7	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	47.0	-3.7%	1.7	8,219	1.3	2,398	19.6	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.8	-1.1%	1.5	4,177	7.0	2,541	10.2	1.3	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	28.3	0.0%	1.2	2,999	5.1	3,370	8.4	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.5	-1.4%	1.1	2,092	4.6	3,480	5.9	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	24.6	-2.0%	1.2	1,772	4.9	3,686	6.7	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.7	-1.7%	0.8	148	0.2	5,165	8.1	1.4	79.7%	17.2%
NTP	Nhựa	29.0	-0.3%	0.2	124	0.0	4,167	7.0	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.8	-1.5%	1.0	2,731	4.5	2,581	8.8	1.3	38.6%	17.0%
HSG	Thép	7.8	-1.6%	1.8	143	0.7	1,161	6.7	0.6	18.4%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	105.0	-2.8%	0.8	7,950	6.2	5,478	19.2	6.6	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	177.0	-0.6%	0.8	4,935	0.6	7,477	23.7	6.0	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.8	-1.7%	1.2	2,528	2.7	4,772	10.4	1.4	38.6%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.8	-0.5%	0.4	556	2.6	508	43.0	1.8	6.6%	4.4%
ACV	Vận tải	52.6	-2.4%	0.8	4,979	0.7	2,630	20.0	3.7	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	125.0	-1.6%	1.1	2,847	2.1	7,889	15.8	4.3	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	23.1	-3.3%	1.7	1,424	1.1	1,640	14.1	1.8	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	18.9	-1.3%	0.9	244	0.2	1,595	11.8	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.3	-1.6%	0.6	151	0.4	2,421	5.1	0.8	31.4%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.0	-1.5%	1.1	466	0.5	8,824	7.6	3.1	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.3	-1.1%	0.7	357	0.0	1,454	12.6	1.3	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	0.7%	0.9	242	0.0	1,953	7.5	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.5	-2.0%	1.0	207	0.2	8,858	7.1	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.3	0.4%	1.0	467	0.1	1,567	15.5	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.3	-2.2%	0.3	240	0.2	2,769	8.1	1.0	50.4%	12.9%
POW	Điện	10.2	2.5%	0.6	1,039	1.0	1,064	9.6	0.9	12.9%	9.7%
NT2	Điện	19.8	1.5%	0.5	247	0.1	2,577	7.7	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FPT	55.00	1.85	0.20	3.22MLN
POW	10.20	2.51	0.17	2.28MLN
TCB	22.35	0.68	0.15	2.24MLN
PGD	39.40	3.82	0.04	10.00
YEG	52.70	6.90	0.03	67640.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	8.00	9.59	0.93	30.51MLN
IDJ	18.30	9.58	0.05	857100.00
SHS	6.90	2.99	0.03	939400.00
VIF	17.90	4.07	0.03	400.00
IVS	9.00	9.76	0.02	55100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-2.14	651880.00	1.11MLN
BID	0.00	-2.11	626350.00	607060.00
GAS	0.00	-1.73	478410.00	373600.00
VNM	0.00	-1.52	1.35MLN	192700.00
VCB	0.00	-1.29	1.16MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.60	-1.99	-0.81	4.52MLN
PVS	15.40	-1.91	-0.07	1.27MLN
VCS	67.00	-1.47	-0.03	157900.00
MBG	14.90	-9.70	-0.03	425200.00
TIG	7.30	-3.95	-0.02	3.00MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VRC	6.95	6.92	0.01	526110.00
YEG	52.70	6.90	0.03	67640.00
TCO	11.65	6.88	0.00	20.00
PIT	4.04	6.88	0.00	480.00
SMA	14.85	6.83	0.01	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.00	103200.00
DST	1.00	11.1	0.00	903600.00
APS	3.30	10.0	0.01	1.08MLN
KVC	1.10	10.0	0.01	3100.00
MEC	1.10	10.0	0.00	1000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SRF	13.95	-7.00	-0.01	2140.00
PJT	11.35	-6.97	0.00	110.00
FIT	7.49	-6.96	-0.04	1.41MLN
DHM	3.75	-6.95	0.00	17610.00
NAV	16.75	-6.94	0.00	3480.00

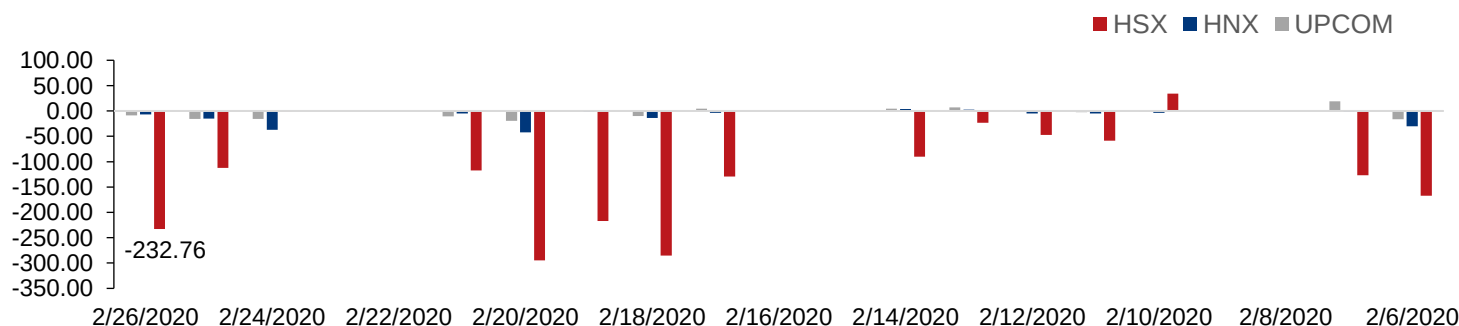
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	0.90	-10.00	-0.02	162000.00
SMT	17.60	-9.74	0.00	800.00
BXH	9.30	-9.71	0.00	1000.00
MBG	14.90	-9.70	-0.03	425200.00
HBS	1.90	-9.52	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
2	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
6	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
7	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
14	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	106.2	8,655	12.3	3.9	Click
2	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.0	6,362	5.0	1.2	Click
3	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	55.0	4,225	13.0	2.7	Click
4	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	22.7	2,109	10.7	1.6	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.6	3,897	6.8	1.2	Click
6	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	97.1	4,668	20.8	3.8	Click
7	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.3	5,020	5.2	1.2	Click
8	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	83.0	5,327	15.6	4.1	Click
9	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.3	2,421	5.1	0.8	Click
10	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	164.9	29,035	5.7	4.5	Click
11	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	12.2	0	34.8	0.4	Click
12	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	106.2	8,655	12.3	3.9	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.6	3,686	6.7	1.5	Click
14	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.6	2,736	4.6	0.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.4	2,881	7.8	1.3	Click
16	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	85.0	5,004	17.0	3.7	Click
17	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	26.7	7,028	3.8	1.4	Click
18	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.0	4,225	13.0	2.7	Click
19	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.6	3,897	6.8	1.2	Click
20	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	14.7	2,236	6.6	0.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
DHG 2020Q1	3/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 89500; Giá tại Publish 93000 Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/01/2020, DHG đóng cửa ở mức giá 93,000 VND; tương đương với mức P/E là 19.9, cao hơn 17% so với mức P/E ngành là 16.95. BSC cho rằng diễn biến tích cực của giá cổ phiếu DHG cũng như các cổ phiếu ngành được khác do kỳ vọng nhà đầu tư từ việc người dân tăng chi tiêu các sản phẩm thuộc do tâm lý lo lắng khi tình hình nghiêm trọng của dịch nCoV tại Trung Quốc.
Express MSN 2020Q1	21/01/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 55000 Kế hoạch 2020: (1) Doanh thu VCM kế hoạch đạt 42,000 tỷ đồng (+62% YoY), trong đó: DT Vinmart là 17 ngàn tỷ (+48% YoY), SSSG 24% và DT Vinmart+ là 27 ngàn tỷ (+ 78% YoY), SSSG 25% (2) Đạt điểm hòa vốn tại mức EBITDA, dao động trong -3% - 0%. (3) Giảm bớt số cửa hàng hoạt động không hiệu quả: Đóng 0-10 siêu thị và 150-300 CHTL. (4) Tăng tỉ lệ đồ tươi sống lên 35% so với năm trước là 30%. (5) Đầu tư 15 triệu USD vào phát triển hệ thống VCM: real-time inventory, Scan-go Self services, xây dựng trải nghiệm giữa kênh bán hàng - suppliers - 3PL, và O2O retail.
Express NTC 2019Q4	26/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 170000 Luận điểm đầu tư: Tăng trưởng cho thuê KCN Nam Tân Uyên 3 từ làn sóng FDI. Rủi ro Đầu tư: Rủi ro đầu tư: (1) Cơ cấu sở hữu giữa GVR, PHR và NTC dẫn đến khả năng thiếu kiểm soát của doanh nghiệp. (2) Phụ thuộc vào dòng vốn FDI
Express GMD 2019Q4	26/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 23950 BSC điều chỉnh sản lượng thông cảng tại Hải Phòng của GMD năm 2019 xuống 1.2 triệu TEUs (+3.2%yoy) – dự báo cũ là 1.3 triệu TEUs (+12%yoy). Theo đó tổng sản lượng của GMD trong năm nay đạt 1.95 triệu TEUs, +2%yoy (dự báo cũ là 2.05 triệu TEUs, +7.4%yoy). Doanh thu năm 2019 ước đạt 2,887 tỷ đồng (+6.63%yoy), LNST đạt 650 tỷ đồng (-66%yoy). Nếu loại trừ đi khoản lợi nhuận từ thoái vốn năm 2018 thì LNST năm 2019 tăng nhẹ 2.3%yoy.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn